

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào
dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định
Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015 ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định”, do ADB tài trợ;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 420/TTr-BQL ngày 26/10/2020; thông báo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1456/SGTVT-GT ngày 26/10/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 747/BC-SKHĐT ngày 27/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho

đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) – Dự án thành phần tỉnh Bình Định.

Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

3.1. Mục tiêu tổng quát: Nhằm nâng cao cơ hội phát triển sinh kế, giảm nghèo và bất bình đẳng cho đồng bào dân tộc thiểu số thông qua phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng tổng hợp thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cấp, xây dựng mới các công trình hạ tầng giao thông đảm bảo khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Bảo kết nối hệ thống giao thông thông suốt trên các tuyến đường. Khắc phục tình trạng ách tắc giao thông do bão lũ đi qua, đặc biệt là trong mùa mưa lũ. Đảm bảo công tác cứu hộ, cứu nạn được kịp thời, giảm thiểu được tổn thất do mưa lũ gây ra.

- Nâng cao khả năng liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh tế và hàng hóa, cải thiện môi trường và tăng tính liên kết giữa các địa bàn phát triển năng động trong khu vực, các địa bàn hành lang ven biển, vùng sâu, vùng xa, các vùng miền núi và các khu vực khó khăn hơn.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

- Nâng cấp, xây dựng các công trình hạ tầng nằm trong khu vực vùng sâu vùng xa, nhằm phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt đi lại của đồng bào dân tộc thiểu số. Thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần quan trọng thúc đẩy liên kết kinh tế, thu hút nguồn vốn tại địa phương cho phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo trong toàn khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông bao gồm 3 tiểu dự án:

- Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông liên huyện Vĩnh Thạnh, kết nối Quốc lộ 19 và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

- Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp đến làng Canh Tiến, xã Canh Liên;

- Sửa chữa, nâng cấp đường liên xã An Hưng đi Tam Quan, huyện Hoài Nhơn.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Giao thông Bình Định.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Phan Thanh Thắng.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão và thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

8. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất 146,4 ha. Trong đó:

- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 99,0 ha;
- Diện tích chiếm đất tạm thời: 47,4 ha.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III, IV.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

11.1. Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông liên huyện Vĩnh Thạnh, kết nối QL19 và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

a) Đường giao thông từ hồ Định Bình đến trung tâm xã Vĩnh Sơn

Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005).

- Chiều dài xây dựng: $L=39,7\text{km}$.
- Tốc độ thiết kế: $V=30\text{km/h}$.
- Tải trọng trục tính toán: $P=10\text{T}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n=6,5\text{m}$; đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95, lớp sát móng đầm chặt K98 dày 30cm; mái taluy nền đắp $m=1,5$, mái taluy nền đào $m=1$.
- Bề rộng mặt đường: $B_m=5,5\text{m}$; kết cấu lớp BTXM M300 dày 22cm, bên dưới là lót giấy dầu. Riêng một số đoạn qua khu dân cư và đoạn nối từ Làng L7 đến điểm đầu tuyến thảm tăng cường lớp BTN C19 dày 06cm.
- Xây dựng cầu dầm nhịp $L=1 \times 18,0\text{m}$ tại $\text{Km}4+777,5$ theo tiêu chuẩn TCVN 11823-2017.
 - + Xây dựng cầu vĩnh cửu nhịp giản đơn bằng BTCT.
 - + Tải trọng thiết kế: HL93.
 - + Khổ cầu: $B=8,0\text{m}+0,5\text{m} \times 2=9,0\text{m}$.
 - + Tần suất thiết kế: $P=4\%$.
 - + Dầm chủ bằng BTCT dạng chữ T; móng cầu bằng BTCT dạng móng nông đặt trên nền thiên nhiên.
- Cầu bản hộp và cống thoát nước các loại xây dựng mới và tận dụng nối đót bằng BTCT và BTLT; khổ cầu, cống phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (cống tròn tải trọng H30); tần suất thiết kế $P=4\%$. Sửa chữa các cầu hiện trạng trên đoạn tuyến bị hư hỏng tứ nón, tường cánh, thân mố, trụ, sân cầu, lan can, tay vịn và khe co giãn.
- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước bằng BTXM và hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

b) Đường ĐT.637 đoạn từ Vĩnh Quang - thị trấn Vĩnh Thạnh

Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005).

- Chiều dài xây dựng: $L = 2,374\text{km}$.
- Tốc độ thiết kế: $V = 60\text{km/h}$.
- Tải trọng trục tính toán: $P = 10\text{T}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 9,0\text{m}$; đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95, lớp sát móng đầm chặt K98 dày 30cm; mái taluy nền đắp $m = 1,5$, mái taluy nền đào $m = 1$.
- Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$; kết cấu gồm lớp móng CPĐD $D_{\max} = 37,5\text{mm}$ dày 16cm, lớp móng CPĐD $D_{\max} = 25\text{mm}$ dày 16cm, lớp BTN C19 dày 07cm và lớp BTN C12,5 dày 05cm.
- Xây dựng mới cầu Suối Xem nhịp $L = 6 \times 33,0\text{m}$ tại Km12+734,36 theo TCVN 11823–2017.

+ Xây dựng cầu vĩnh cửu nhịp giản đơn bằng BTCT DUL và BTCT.

+ Tải trọng thiết kế: HL93.

+ Bề rộng cầu: $B_{\text{cầu}} = 11\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 12,0\text{m}$.

+ Tần suất lũ thiết kế: $P = 1\%$.

+ Dầm chủ bằng BTCT DUL tiết diện chữ I; móng cầu BTCT chữ U, trụ cầu BTCT dạng trụ đặc thân hẹp; móng móng, trụ bằng cọc khoan nhồi BTCT đường kính $D = 1,2\text{m}$.

- Xây dựng mới cầu Tà Súc nhịp $L = 2 \times 18,0\text{m}$ tại Km11+565,89 theo tiêu chuẩn TCVN 11823-2017.

+ Xây dựng cầu vĩnh cửu nhịp giản đơn bằng BTCT.

+ Tải trọng thiết kế: HL93.

+ Khổ cầu: $B = 11,0\text{m} + 0,5\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$.

+ Tần suất thiết kế: $P = 1\%$.

+ Dầm chủ bằng BTCT dạng chữ T; móng cầu BTCT dạng chữ U, trụ cầu BTCT dạng trụ đặc thân hẹp; móng móng, trụ bằng cọc khoan nhồi BTCT, đường kính $D = 1,2\text{m}$.

- Xây dựng cống thoát nước các loại bằng BTCT và BTLT; khổ cống phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (cống tròn tải trọng H30); tần suất thiết kế $P = 4\%$.

- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc bằng BTXM và hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

11.2. Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp đến làng Canh Tiến, xã Canh Liên, huyện Vân Canh

Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (TCVN 4054:2005).

- Chiều dài xây dựng: $L=13,28\text{km}$.
- Tốc độ thiết kế: $V=20\text{km/h}$.
- Tải trọng trục tính toán: $P=10\text{T}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n=6,0\text{m}$; đắp đất CPĐ đầm chặt K95, lớp sát móng đầm chặt K98 dày 30cm; mái taluy nền đắp $m=1,5$, mái taluy nền đào $m=1,0$.
- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5\text{m}$; kết cấu mặt đường bằng lớp BTXM M300 dày 22cm, bên dưới lót lớp giấy dầu.
- Xây dựng mới cầu dầm nhịp $L=4 \times 33,0\text{m}$ tại $\text{Km}11+545,98$ và nhịp $L=1 \times 33,0\text{m}$ tại $\text{Km}12+365,91$ theo TCVN 11823–2017.
 - + Xây dựng cầu vĩnh cửu nhịp giản đơn bằng BTCT DƯL và BTCT.
 - + Tải trọng thiết kế: HL93.
 - + Bề rộng cầu: $B_{\text{cầu}} = 6,5\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 7,5\text{m}$.
 - + Tần suất lũ thiết kế: $P = 1\%$.
 - + Dầm chủ bằng BTCT DƯL tiết diện dạng chữ I; mô cầu BTCT dạng chữ U, trụ cầu BTCT dạng trụ đặc thân hẹp; móng móng, trụ bằng cọc khoan nhồi BTCT, đường kính $D=1,0\text{m}$.
 - Cầu bản hộp và công thoát nước các loại xây dựng mới bằng BTCT và BTLT; khổ cầu, công phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (công tròn tải trọng H30); tần suất thiết kế $P=4\%$.
 - Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước bằng BTXM và hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

11.3. Sửa chữa, nâng cấp đường liên xã An Hưng đi Tam Quan, huyện Hoài Nhơn

Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005).

- Chiều dài xây dựng: $L=18,505\text{km}$.
- Tốc độ thiết kế: $V=30\text{km/h}$.
- Tải trọng trục tính toán: $P=10\text{T}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n=6,5\text{m}$; đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95, lớp sát móng đầm chặt K98 dày 30cm; mái taluy nền đắp $m=1,5$, mái taluy nền đào $m=1$.
- Bề rộng mặt đường: $B_m=5,5\text{m}$; kết cấu lớp BTXM M300 dày 22cm, bên dưới là lớp lót giấy dầu. Riêng một số đoạn qua khu dân cư tăng cường lớp BTN C19 dày 06cm.

- Xây dựng mới cầu dầm nhịp $L=3 \times 33,0\text{m}$ tại $\text{Km}0+557,1$ theo TCVN 11823–2017.

+ Xây dựng cầu vĩnh cửu nhịp giản đơn bằng BTCT DƯL và BTCT.

+ Tải trọng thiết kế: HL93.

+ Bề rộng cầu: $B_{\text{cầu}} = 6,5\text{m} + 2 \times 0,5\text{m} = 7,5\text{m}$.

+ Tần suất lũ thiết kế: $P = 1\%$.

+ Dầm chủ BTCT DƯL tiết diện dạng chữ I; mô cầu BTCT dạng chữ U, trụ cầu BTCT dạng trụ đặc thân hẹp; móng móng, trụ bằng cọc khoan nhồi BTCT, đường kính $D=1,0\text{m}$.

- Cầu bản hộp và công thoát nước các loại xây dựng mới bằng BTCT và BTLT; khổ cầu, công phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (công tròn tải trọng H30); tần suất thiết kế $P=4\%$.

- Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc bằng BTXM và hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

12. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu của nhân dân trong vùng xây dựng.

- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước và nhà tài trợ ADB.

- Phương thức thực hiện: Giao UBND các địa phương có công trình xây dựng thành lập Hội đồng bồi thường để giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công xây dựng công trình.

13. Tổng mức đầu tư: 826.803.426.000 đồng (Tám trăm hai mươi sáu tỷ, tám trăm linh ba triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

TT	Khoản mục chi phí	Tổng kinh phí (đồng)	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay ADB (đồng)	Đối ứng (đồng)
1	Chi phí xây dựng	607.414.867.000	552.195.334.000	55.219.533.000
2	Chi phí quản lý dự án	6.990.793.000	-	6.990.793.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	35.854.582.000	-	35.854.582.000
4	Chi phí khác	48.703.441.000	9.907.308.000	38.796.133.000
5	Chi phí bồi thường, GPMB	45.050.737.000	-	45.050.737.000
6	Chi phí dự phòng	82.789.006.000	56.210.264.000	26.578.742.000
	Tổng cộng	826.803.426.000	618.312.906.000	208.490.520.000

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và vốn đối ứng ngân sách địa phương.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2024.

17. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các huyện: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão; Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu